

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 13-02-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung, nợ chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Đoàn.
- Ông Hoàng Ngọc Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, nợ chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị B, sinh năm 1993. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lộc Văn L, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lộc Văn T, sinh năm 1960. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Ngân hàng C.

Địa chỉ: Số nhà A, Phố Linh Đ, H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyên N - chức vụ Phó Giám đốc Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện B, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản ủy quyền số 06/QĐ-NHCS ngày 06/01/2022). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Triệu Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị B xây dựng gia đình với anh Lộc Văn L vào năm 2009, trước khi kết hôn có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, đến năm 2011 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện B. Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc và sinh được 02 người con chung. Từ tháng 3/2023 chị Triệu Thị B đi làm công ty ở Campuchia, do anh Lộc Văn L ghen tuông nghi ngờ chị Triệu Thị B ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần anh Lộc Văn L còn dọa giết, khủng bố tinh thần chị Triệu Thị B. Tháng 11/2023 anh Lộc Văn L yêu cầu chị Triệu Thị B về làm đơn ly hôn, tuy nhiên được cán bộ xã hòa giải nên hai vợ chồng quay về đoàn tụ, anh Lộc Văn L làm đơn cam kết không chửi bới xúc phạm chị Triệu Thị B. Tuy nhiên anh Lộc Văn L không thay đổi vẫn chửi bới và dọa giết chị Triệu Thị B, nên chị Triệu Thị B không về nhà và vợ chồng ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Triệu Thị B yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với anh Lộc Văn L.

Về con chung: Có 02 người con chung là Lộc Thị Mỹ L1, sinh ngày 19/11/2009 và cháu Lộc Vĩnh Q, sinh ngày 18/10/2011. Theo đơn khởi kiện khi ly hôn chị Triệu Thị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Lộc Vĩnh Q và chị để lại cháu Lộc Thị Mỹ L1 cho anh Lộc Văn L trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Không bên nào cấp dưỡng cho bên nào. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại đơn đề ngày 10/02/2025 chị Triệu Thị B đồng ý cho anh Lộc Văn L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung đến tuổi trưởng thành và chị Triệu Thị B đồng ý cấp dưỡng mỗi người con chung là 1.150.000 đồng/tháng, tổng hai người con chung là 2.300.000 đồng/tháng cho các con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết

Về nợ chung: Hai vợ chồng chị Triệu Thị B và anh Lộc Văn L có vay Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện B, tỉnh Lạng Sơn số tiền là 50.000.000đồng. Khi ly hôn chị Triệu Thị B đề nghị giải quyết theo pháp luật. Số tiền vay Ngân hàng không liên quan gì tới bố chồng là ông Lộc Văn T.

Ngày 10/02/2025 chị Triệu Thị B có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Về phía bị đơn, tại bản tự khai anh Lộc Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lộc Văn L xác nhận về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn cũng như quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Triệu Thị B trình bày như trên là đúng. Anh Lộc Văn L đồng ý ly

hôn với chị Triệu Thị B với điều kiện chị Triệu Thị B đưa người tình về cam kết với anh Lộc Văn L không dọa nạt giết anh và cả gia đình anh.

Về con chung: Có 02 người con chung là Lộc Thị Mỹ L1, sinh ngày 19/11/2009 và Lộc Vĩnh Q, sinh ngày 18/10/2011. Khi ly hôn anh Lộc Văn L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), yêu cầu chị Triệu Thị B cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung là 1.150.000đồng/tháng. Tổng cộng một tháng cho Triệu Thị B phải cấp dưỡng là 2.300.000đồng cho đến khi hai người con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Hai vợ chồng vay Ngân hàng C - phòng giao dịch huyện B, tỉnh Lạng Sơn 50.000.000đồng. Khi ly hôn, anh Lộc Văn L yêu cầu chị Triệu Thị B có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng cả gốc và lãi theo hợp đồng đã ký kết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện B, tỉnh Lạng Sơn, người đại diện theo ủy quyền ông Lê Nguyên N có ý kiến:

Vợ chồng chị Triệu Thị B và anh Lộc Văn L có vay Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện B, tỉnh Lạng Sơn tại mã món vay 6600000719816906 ngày 14/3/2021 với số tiền là 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng). Nhất trí sự thỏa thuận của hai bên đương sự, nếu hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau, yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật. Ngân hàng có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lộc Văn T có ý kiến:

Việc kết hôn giữa anh Lộc Văn L và chị Triệu Thị B hoàn toàn tự nguyện vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị Triệu Thị B và anh Lộc Văn L chung sống với gia đình. Đến năm 2020 chị Triệu Thị B đi làm thuê nhiều nơi, thi thoảng về thăm gia đình. Đến năm 2023 thì không về nữa. Quá trình chung sống, gia đình không thấy mâu thuẫn do chị Triệu Thị B không hay ở nhà. Các cháu đều sinh sống và được ông bà chăm sóc, đưa đón đi học hàng ngày. Còn anh Lộc Văn L cũng đi làm thuê, thi thoảng gọi điện và về thăm gia đình. Đối với số nợ vay Ngân hàng C, ông Lộc Văn T không liên quan, số tiền đó do anh Lộc Văn L và chị Triệu Thị B sử dụng và đề nghị hai vợ chồng anh chị tự chịu trách nhiệm trả số nợ cho Ngân hàng. Các giấy tờ Tòa án triệu tập đều được gia đình thông báo cho anh Lộc Văn L được biết và có ý kiến mong muốn được nuôi con; còn về cấp dưỡng nuôi con thì gia đình không rõ. Ông Lộc Văn T yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành xác minh với đại diện thôn K, xã Q, huyện B cho biết anh Lộc Văn L và chị Triệu Thị B quá trình sinh sống, không thấy chị Triệu Thị B và anh Lộc Văn L báo với chính quyền về việc mâu thuẫn. Đến năm 2020, chị

Triệu Thị B đi làm thuê thỉnh thoảng có thấy về thăm gia đình nhưng từ năm 2023 cho đến nay không thấy chị Triệu Thị B về nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, tuy nhiên các đương sự không thỏa thuận được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Triệu Thị B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lộc Văn T, Ngân hàng C đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình, các đương sự trên đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Còn bị đơn anh Lộc Văn L đã có mặt tại Tòa án viết bản tự khai, tham gia họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị B được ly hôn với anh Lộc Văn L. Về con chung: Giao con chung là Lộc Thị Mỹ L1, sinh ngày 19/11/2009 và Lộc Vĩnh Q, sinh ngày 18/10/2011 cho anh Lộc Văn L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị Triệu Thị B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung là 1.150.000đồng/tháng. Tổng cộng một tháng chị Triệu Thị B có trách nhiệm cấp dưỡng là 2.300.000đồng/tháng cho đến khi hai người con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), phương thức cấp dưỡng được định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2025 đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị Triệu Thị B và anh Lộc Văn L mỗi người phải có trách nhiệm trả Ngân hàng chính sách xã hội số tiền là 25.000.000 đồng/người tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo sổ vay vốn. Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị B được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Triệu Thị B khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, nợ chung

khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, nợ chung khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lộc Văn L có chỗ ở tại thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, hoãn phiên tòa lần 1 theo quy định pháp luật. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội, ông Lộc Văn T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Lộc Văn L triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Triệu Thị B và anh Lộc Văn L là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B nên quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị B và anh Lộc Văn L là hợp pháp. Các đương sự đều khai có mâu thuẫn, chửi bới, xúc phạm nhau, không còn hòa hợp trong quá trình chung sống với nhau. Chị Triệu Thị B sống ly thân với anh Lộc Văn L từ cuối năm 2023 đến nay. Còn anh Lộc Văn L chỉ đồng ý ly hôn khi chị Triệu Thị B và người tình của chị đến xin lỗi anh. Như vậy, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Triệu Thị B và anh Lộc Văn L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Triệu Thị B yêu cầu ly hôn với anh Lộc Văn L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 người chung là Lộc Thị Mỹ L1, sinh ngày 19/11/2009 và Lộc Vĩnh Q, sinh ngày 18/10/2011. Khi ly hôn, anh Lộc Văn L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục hai con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Cũng là ý nguyện muốn sinh sống cùng bố của các con. Vì vậy, việc giao hai con chung cho anh Lộc Văn L hoàn toàn hợp lý và được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Chị Triệu Thị B có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.150.000đ/ 1 người/tháng; tổng hai người con chung là 2.300.000 đồng/tháng cho đến các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng được định kỳ theo hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2025 cho đến các con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[5] Về tài sản chung: Chị Triệu Thị B và anh Lộc Văn L trình bày là không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Triệu Thị B và anh Lộc Văn L vay Ngân hàng C – phòng giao dịch huyện B, tỉnh Lạng Sơn số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo sổ vay vốn theo chương trình cho vay hộ nghèo để thực hiện phương án trồng cây keo. Anh Lộc Văn L cho rằng số tiền đó vay cho em trai

của chị Triệu Thị B và yêu cầu chị Triệu Thị B có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên, tuy nhiên anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Còn ông Lộc Văn T không liên quan đến số tiền vay nợ của hai vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là nợ chung hai vợ chồng. Vì vậy, chị Triệu Thị B và anh Lộc Văn L cùng có trách nhiệm trả số nợ trên với số tiền gốc là 25.000.000 đồng/01 người và tiền lãi phát sinh theo sổ vay vốn có mã số món vay 6600000719816906 ngày 14/3/2021 cho Ngân hàng C.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Triệu Thị B là dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, chị Triệu Thị B được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị B được ly hôn với anh Lộc Văn L.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Lộc Thị Mỹ L1, sinh ngày 19/11/2009 và Lộc Vĩnh Q, sinh ngày 18/10/2011 cho anh Lộc Văn L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Triệu Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung mỗi tháng là 1.150.000 đồng/01 người con, tổng hai người con chung là 2.300.000đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ theo hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2025 đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Triệu Thị B có quyền đi lại thăm nom hai con chung không ai được cản trở.

Trường hợp cần thiết sau khi ly hôn hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu; mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Triệu Thị B và anh Lộc Văn L vay Ngân hàng C – phòng giao dịch huyện B, tỉnh Lạng Sơn số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo sổ vay vốn.

Khi ly hôn, chị Triệu Thị B và anh Lộc Văn L có trách nhiệm mỗi người trả một nửa số tiền gốc là 25.000.000 đồng/01 người và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo món vay mã 6600000719816906, ngày 14/3/2021.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì phải chịu lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán, theo lãi suất các bên có thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

5. Về án phí: Chị Triệu Thị B được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Triệu Thị B, bị đơn anh Lộc Văn L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lộc Văn T, Ngân hàng C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Quý Hòa, huyện Bình Gia;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Hiệt